TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 31/2019/HSST
Ngày 07 tháng 5 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:**

Ông **Đinh Duy Quyết**

Ông **Hoàng Quốc Trị**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Trần Thanh Hà** - Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2019/HSST ngày 29/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T *(Tên gọi khác không),* sinh năm 1972; tại huyện Q, tỉnh N; trú tại tổ 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; chồng: Bùi Văn B và có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003; tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án Hình sự sơ thẩm số 08/2019/HSST ngày 15/01/2019, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 66 ngày tạm giữ, bằng 06 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 12 ngày, về tội "Trộm cắp tài sản".

Nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 04/STHS ngày 15/03/1994, của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân";

Quyết định số 206/QĐ-XP ngày 10/8/2016, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/02/2019 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:**

Chị **Phạm Thị T1**, sinh năm 1989; trú tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1963. Vắng mặt tại phiên tòa.

Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1971. Vắng mặt tại phiên tòa.

Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1974. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị T đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích. Ngày 19 tháng 02 năm 2019, T đi bộ từ nhà ra khu vực ngã ba chợ Chiều, thuộc địa bàn phường T, thành phố Đ để đón xe khách đi Hà Nội tìm việc làm. Khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực chợ Đò, thuộc xóm 4, thôn T, xã G, T nảy sinh ý định vào chợ tìm xem có ai sơ hở để trộm cắp tài sản. T xuống xe ô tô và đi bộ vào chợ Đò. Đến khu vực bán hoa quả, T hỏi mua 01 kg xoài và 01 kg ổi để quan sát xung quanh. T nhìn thấy chị Phạm Thị T1 đang mua dưa hấu và bỏ tiền vào trong túi áo Vest phía trước hông bên phải, T đi đến, dùng tay trái móc vào trong túi áo Vest bên hông phải của chị T được 01 tập tiền. Khi T vừa cầm tiền và rút tay ra khỏi túi áo Vest của chị T1 thì bị bà Phạm Thị L phát hiện. Chị L dùng tay đập vào lưng T rồi túm lấy tay trái của T, T sợ hãi vứt tập tiền xuống đất. Cùng lúc đó T bị quần chúng nhân dân giữ lại và báo sự việc với Công an xã G đến bắt giữ T và yêu cầu T nhặt số tiền 1.300.000 đồng do T vừa móc của chị T1 lên để lập biên bản thu giữ; đồng thời đưa T về trụ sở Uỷ ban nhân dân xã G để làm việc. Quá trình làm việc, Công an xã G còn thu giữ tại túi áo của Nguyễn Thị T 01 túi vải màu nâu, bên ngoài có thêu hoa văn hình bông hoa, kích thước (12x17)cm, bên trong túi vải có số tiền 208.000 đồng; thu trong túi quần của Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, vỏ màu trắng. Sau đó Công an xã G bàn giao Nguyễn Thị T cùng tang vật cho Công an huyện V xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS-GV ngày 28/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N đã truy tố ***Nguyễn Thị T*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N để xét xử về tội **"Trộm cắp tài sản"**, theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Người bị hại là chị Phạm Thị T1 trong quá trình điều tra xác nhận những tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt và đã nhận số tiền 1.300.000 đồng do cơ quan Công an trả lại, nên chị Phạm Thị T1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cùng các tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Nguyễn Thị T*** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với 03 tháng 24 ngày của Bản án số 08/2019/HSST ngày 15/01/2019, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 06 tháng 24 ngày đến 09 tháng 24 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam 20/02/2019.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại bị cáo **Nguyễn Thị T** số tiền 208.000 đồng, là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị T là người đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích; khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại khu vực chợ Đò, thuộc xóm 4, thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N bị cáo Nguyễn Thị T lại có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 1.300.000 đồng của chị Phạm Thị T1, bị phát hiện bắt quả tang.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã nêu trên là phạm tội "Trộm cắp tài sản", được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an, gây nỗi hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện, mà lại đi trộm cắp kiếm tiền bất chính. Căn cứ tính chất tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn, thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt d□ới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[7]. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành án 18 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 66 ngày tạm giữ, bằng 06 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 12 ngày, về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án Hình sự sơ thẩm số 08/2019/HSST ngày 15/01/2019, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N. Do vậy, bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt của bản án tr□ớc và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Bị cáo

Nguyễn Thị T từng bị kết án, nhưng đã được đương nhiên xóa án tích, nên được coi như chưa bị kết án, theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự và từng bị xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính trên một năm, nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[8]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh, gia đình của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Phạm Thị T1 đã nhận số tiền 1.300.000 đồng do cơ quan Công an trả lại, nên chị Phạm Thị T1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự. Vì vậy, vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[11]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với 01 túi vải màu nâu, bên ngoài có thêu hoa văn hình bông hoa, kích thước (12x17)cm và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, vỏ màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị T. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị T không liên quan đến việc trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho anh Hoàng Ngọc N, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã M, huyện Y, tỉnh N (là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị T).

Đối với số tiền 208.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị T không liên quan đến việc trộm cắp tài sản. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[12]. ***Về án phí***: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13]. ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Nguyễn Thị T*** phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 ; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 04 (Bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ vào khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 66 ngày tạm giữ, bằng 06 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 12 ngày, quy đổi thành 03 tháng 24 ngày tù. Bị cáo còn phải chấp

hành 03 tháng 24 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án Hình sự sơ thẩm số 08/2019/HSST ngày 15/01/2019, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N. Buộc bị cáo **Nguyễn Thị T** phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **07** (Bẩy) tháng **24** (Hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam 20/02/2019.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại bị cáo **Nguyễn Thị T** số tiền 208.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T, là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền trả lại cho bị cáo gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- VKSND huyện V;
- Bị cáo; Người bị hại;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành